TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ LĨNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HS-ST
Ngày 26/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ LĨNH, TỈNH CAO BẰNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Vi Khánh Dần.
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Sầm Mạnh Tuấn.
2- Bà Mã Thị Huệ.
Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Ma Ngọc Luân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng, tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2018/TLST-HS ngày 13/11/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HS ngày 14/11/2018 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn T; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 27/4/1984 tại xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng.
Nơi cư trú: Xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 05/12; Con ông: Hoàng Văn B, đã chết; Con bà: Vi Thị H, sinh năm 1961; Vợ: Sầm Thị B; sinh năm 1983; Con: 01 con, sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 22/9/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trà Lĩnh, Cao Bằng. Có mặt.

2. Nông Văn T; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 07/3/1998 tại xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng.
Nơi cư trú: Xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Nông Văn T, sinh năn 1979; Con bà: Lục Thị T, sinh năm 1977; Vợ: Vi Thị P; sinh năm 2002; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/9/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trà Lĩnh, Cao Bằng. Có mặt.

3. Trương Thị M; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 10/7/1989 tại xóm N, Thị trấn H, huyện T, Cao Bằng.
Nơi cư trú: Xóm N, thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Trương Văn S, sinh năm 1967; Con bà: Hoàng Thị L, sinh năm 1965; Chồng:

Hoàng Kiến B; sinh năm 1984; Con: 01 con, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không có;

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn đặt tiền để đảm bảo. Có mặt.

4. Vi Văn N; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 21/3/1993 tại xóm Đ, xã C, huyện T, Cao Bằng.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông: Vi Văn T, sinh năm 1971; Con bà: Hứa Thị P, sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/9/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trà Lĩnh, Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 03 giờ 00 ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại đoạn đường thuộc xóm K, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tổ công tác Công an huyện Trà Lĩnh đã phát hiện và bắt quả tang đối với Nông Văn T, sinh năm 1998, trú tại xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng và 01 nam thanh niên (chưa xác định được danh tính) đã bỏ chạy khỏi hiện trường đang có hành vi vận chuyển hàng cấm. Vật chứng thu giữ gồm 02 (hai) bao tải dứa có chứa 30 (ba mươi) hộp pháo hình khối hộp có tổng khối lượng 43kg (Bốn mươi ba kilogam). Tạm giữ: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI REVO, biển kiểm soát 11Y1-0204; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng, màu hồng, trong máy gắn 02 (hai) thẻ sim; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại máy trần màu đen, trong máy gắn 02 (hai) thẻ sim.

Mở rộng điều tra, cùng ngày 20/9/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Lĩnh đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Văn T, sinh năm 1984; trú tại xóm L, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng về hành vi buôn bán hàng cấm. Đồng thời tiến hành triệu tập và khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Trương Thị M, sinh năm 1989; trú tại xóm N, thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng về hành vi buôn bán hàng cấm. Kết quả khám xét không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật. Tạm giữ đối với Mơ 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu vàng đồng, màn hình cảm ứng, trong máy gắn 02 (hai) thẻ sim. Trong ngày 20 và ngày 22 tháng 9 năm 2018, Vi Văn N, sinh năm 1993; trú tại xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng và Hoàng Văn T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Lĩnh để đầu thú về hành vi vi phạm pháp luật.

Ngày 24/9/ 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Lĩnh đã tiến hành trưng cầu giám định đối với vật chứng của vụ án. Tại bản kết luận giám định số 5278/C09-P2 ngày 25/9/2018 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: "Mẫu vật gửi giám định là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ)".

Quá trình điều tra xác định được: Do có mục đích buôn bán pháo để thu lợi bất chính nên Hoàng Văn T, Trương Thị M và Nông Văn T đã cùng nhau đến nhà T để bàn bạc thống nhất về việc buôn bán và cách thức vận chuyển pháo. Theo đó M sẽ chịu trách nhiệm lấy pháo từ Trung Quốc ra đến địa điểm hàng rào khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc xóm B, thị trấn H, huyện T, mỗi hộp pháo dạng hình

khối hộp có 36 (ba mươi sáu) ống hình trụ liên kết với nhau sẽ được T trả cho M số tiền 110.000 đồng (Một trăm mười nghìn đồng); T chịu trách nhiệm vận chuyển pháo từ khu vực biên giới về tập kết tại nhà T còn T chịu trách nhiệm tiêu thụ số pháo đã được tập kết cất giấu tại nhà T. Mỗi hộp pháo sau khi bán thu được lợi nhuận là 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng), trong đó T hưởng 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng), T hưởng 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng). Trong quá trình vận chuyển pháo, T đã rủ Vi Văn N cùng tham gia vận chuyển và N được T trả công với số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Khoảng 15 giờ 00 ngày 19 tháng 9 năm 2018, Hoàng Văn T đã nhắn tin qua mạng Zalo cho Nông Văn T với nội dung "Tối xem thế nào đi làm nhanh tí họ đang đợi hàng rồi". T biết tối đi vận chuyển pháo về cho T để bán nên T đã trả lời "Vâng". Sau đó T đi đến nhà N để rủ N tối đi sang nhà T chơi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày N đi đến nhà T, tại đây T nói với N cùng đi vận chuyển pháo, N đồng ý, nên đến khoảng 00 giờ ngày 20/9/2018, T gọi N dậy và cùng nhau điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI REVO, biển kiểm soát 11Y1-0204 (xe thuộc sở hữu của T) đi đến khu vực hàng rào biên giới cửa khẩu Trà Lĩnh thuộc xóm B, thị trấn H, huyện T để lấy pháo. Khi đến nơi T dùng điện thoại di động của mình nhắn tin qua Zalo cho M để M gọi điện thoại cho chồng tên là Hoàng Kiến B, sinh năm 1984, trú tại Long Bang, Tịnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc lấy pháo ra giao cho T và N. Lấy được pháo gồm 02 (hai) bao tải dứa màu xanh, T và N vận chuyển về tập kết ở nhà T. Trên đường vận chuyển pháo đến địa phận xóm K, xã C, huyện T thì bị phát hiện và bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra còn xác định được trước ngày 20 tháng 9 năm 2018, T, T, M và N đã thực hiện chót lọt việc buôn bán, vận chuyển pháo một lần vào khoảng thời gian đầu tháng 9 năm 2018. Số pháo đó đã được T liên hệ và bán cho một người đàn ông tên N ở Hà Nội với số lượng 04 bao tải dứa được số tiền là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền trên T đã chia cho T 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng). Sau đó T đã trả tiền công vận chuyển cho N là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Trong thời gian buôn bán pháo, T, T đã được trực tiếp thanh toán số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) tiền mua pháo cho M, trong đó T một lần và T một lần tại nhà M thuộc xóm N, thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKSTL ngày 12/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố:

- Các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn T và Trương Thị M về tội *"Buôn bán hàng cấm"* theo quy định tại điểm g, k khoản 2 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Bị cáo Vi Văn N về tội *"Vận chuyển hàng cấm"* theo quy định tại điểm g, k khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn T, Trương Thị M và Vi Văn N đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không có gì bổ sung thêm. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn T và Trương Thị M về tội *"Buôn bán hàng cấm"* và đề nghị:

- Áp dụng điểm g, k khoản 2 Điều 190, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 48 đến 54 tháng tù;

- Áp dụng điểm g, k khoản 2 Điều 190, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 42 đến 48 tháng tù;

- Áp dụng điểm g, k khoản 2 Điều 190, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thị M từ 42 đến 48 tháng tù;

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Vi Văn N về tội *"Vận chuyển hàng cấm"* và đề nghị: áp dụng điểm g, k khoản 2 Điều 191, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vi Văn N từ 12 đến 18 tháng tù;

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do các bị cáo không có thu nhập ổn định.

Truy thu số tiền là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng) các bị cáo đã hưởng lợi do hành vi phạm tội.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn T, Trương Thị M và Vi Văn N không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên. Khi nói lời sau cùng các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Lĩnh; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Lĩnh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm: tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn T, Trương Thị M và Vi Văn N nhận tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện như sau: Hồi 03 giờ 00 ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại đoạn đường thuộc xóm K, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tổ công tác thuộc Công an huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng đã phát hiện và bắt quả tang Nông Văn T và Vi Văn N đang có hành vi vận chuyển 43kg (Bốn mươi ba kilogam) pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ) do Trung Quốc sản xuất. Số pháo trên được Hoàng Văn T và T liên hệ mua với Trương Thị M, có chồng là người Trung Quốc tại khu vực hàng rào Cửa khẩu Trà Lĩnh thuộc xóm B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng với mục đích để bán thu lợi

bất chính. Mục đích vận chuyển số pháo trên của Vi Văn N nhằm để hưởng tiền thù lao. Tại bản kết luận giám định số 5278/C09-P2 ngày 25/9/2018 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: *"Mẫu vật gửi giám định là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ)"*.

Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố đối với các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn T, Trương Thị M và Vi Văn N là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử khẳng định các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn T, Trương Thị M đã phạm tội theo ***Điều 190. Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm "****2.Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:g) Pháo nổ từ 40 kilôgam đến dưới 120 kilôgam; k) Buôn bán qua biên giới, trừ hàng hóa là thuốc lá điếu nhập lậu;*

Bị cáo Vi Văn N đã phạm tội theo ***"Điều 191. Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm "****2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm: g) Pháo nổ từ 40 kilôgam đến dưới 120 kilôgam; k) Vận chuyển qua biên giới, trừ hàng hóa là thuốc lá điếu nhập lậu;*

Trong vụ án này, bị cáo Hoàng Văn T là người khởi xướng, trực tiếp tham gia việc mua bán pháo nên giữ vai trò chính, các bị cáo Nông Văn T và Trương Thị M giữ vai trò đồng phạm là người thực hành tích cực. Còn bị cáo Vi Văn N không biết được mục đích vận chuyển pháo của T là để bán lại thu lợi bất chính, nên hành vi của N đơn thuần chỉ là hành vi vận chuyển hàng cấm. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, trước khi thực hiện hành vi phạm tội đã ý thức được pháo nổ là loại hàng hóa Nhà nước cấm sản xuất, kinh doanh, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển, tránh những tai nạn do pháo nổ gây ra nhưng do hám lợi nên vẫn cố tình vi phạm. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong việc quản lý, kinh doanh các mặt hàng cấm.Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Trước lần phạm tội này, các bị cáo đã thực hiện trót lọt mua bán, vận chuyển pháo một lần, được số tiền 11.500.000đ. Do vậy, cần truy thu số tiền là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng) các bị cáo phạm tội mà có. Số tiền truy thu tính theo tỷ lệ các bị cáo đã được hưởng: Bị cáo Hoàng Văn T 1.400.000đ; Bị cáo Nông Văn T 1.600.000đ; Bị cáo Trương Thị M 8.000.000đ; Bị cáo Vi Văn N 500.000đ.

Đối với nguồn gốc số pháo Hoàng Kiến B (Người Trung Quốc) vận chuyển đến khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc để giao cho các bị cáo T và N qua hàng rào biên giới, mà không trực tiếp đưa sang Việt Nam; đối với người đàn ông tên N, trú tại Hà Nội do không có đủ thông tin nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Lĩnh không thể tiến hành xác minh xử lý đối với Hoàng Kiến B và người tên N là có căn cứ.

[3]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo đều đã thực hiện hành vi buôn bán, vận chuyển pháo nổ nhiều lần. Do vậy, bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn T, Trương Thị M và Vi Văn N được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng các bị cáo Hoàng Văn T và Vi Văn N được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự *"Người phạm tội đầu thú";* Bị cáo Trương Thị M trong thời gian thực hiện tội phạm đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử coi đây là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[5]. Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng với các bị cáo là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên được chấp nhận.

[6]. *Về xử lý vật chứng của vụ án*: vật chứng của vụ án gồm:

- 03 (ba) chiếc thùng cát tông được niêm phong, trên mặt ba thùng ghi: Vật chứng vụ vận chuyển hàng cấm (pháo) bắt quả tang ngày 20/9/2018 tại xóm K, xã C, huyện T, Cao Bằng" có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu của Ủy ban nhân dân xã C- huyện T- Cao Bằng. *Số pháo thu giữ là hàng cấm nên cần tịch thu và tiêu hủy.*

- 02 (Hai) chiếc điện thoại di động được niêm phong trong phong bì thu giữ của bị cáo Nông Văn T và Trương Thị M:

* "01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng, màn hình cảm ứng, bên trong có gắn 02 thẻ sim. Thu giữ trên người Nông Văn T, sinh năm 1998, ngày 20/9/2018", mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Lĩnh;

* 01 (Một) chiếc điện thoại di động được niêm phong trong một chiếc phong bì thư, mặt trước ghi: "01 (Một) chiếc điện thoại di động của Trương Thị M, sinh năm 1989, tạm giữ ngày 20/9/2018". Mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Lĩnh;

- 01(Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI REVO, biển kiểm soát 11Y1 - 0204, xe mô tô đã cũ, đã qua sử dụng.

Số vật chứng trên là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam bị cáo Trương Thị M đặt để bảo đảm. Sẽ giải quyết bằng một quyết định riêng theo Thông tư liên tịch số:06/2018/TTLT-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 07/8/2018 "Quy định chi tiết trình tự, thủ tục, mức tiền đặt, việc tạm giữ, hoàn trả, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền đã đặt để bảo đảm".

Trả lại cho bị cáo Nông Văn T: 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, dạng bàn phím, bên trong có gắn 02 thẻ sim. Vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] .Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8]. *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. *Về quyền kháng cáo*: căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn T và Trương Thị M phạm tội *"Buôn bán hàng cấm"*. Bị cáo Vi Văn N phạm tội *"Vận chuyển hàng cấm"*.

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm g, k khoản 2 Điều 190, điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 48 (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 22/9/2018.

Căn cứ điểm g, k khoản 2 Điều 190, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn T 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 20/9/2018.

Căn cứ điểm g, k khoản 2 Điều 190, điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thị M 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi trại giam để chấp hành án.

Căn cứ điểm g, k khoản 2 Điều 191, điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vi Văn N 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 20/9/2018.

Truy thu số tiền là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng) các bị cáo đã hưởng lợi do hành vi phạm tội. Trong đó truy thu số tiền cụ thể như sau:

Bị cáo T 1.400.000đ; Bị cáo T 1.600.000đ; Bị cáo M 8.000.000đ; Bị cáo N 500.000đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật đối với khoản tiền phải thi hành án nếu các bị cáo chưa thì hành thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- *Tịch thu tiêu hủy:* 03 (ba) chiếc thùng cát tông, được niêm phong, trên mặt ba thùng ghi: Vật chứng vụ vận chuyển hàng cấm (pháo) bắt quả tang ngày 20/9/2018 tại xóm K, xã C, huyện T, Cao Bằng" có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng hình con dấu của Ủy ban nhân dân xã C - huyện T - Cao Bằng.

- *Tịch thu sung công quỹ nhà nước:*

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động của Nông Văn T nhãn hiệu OPPO màu hồng, màn hình cảm ứng, bên trong có gắn 02 thẻ sim.

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động của Trương Thị M, sinh năm 1989, tạm giữ ngày 20/9/2018.

- 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI REVO, biển kiểm soát 11Y1 - 0204, xe mô tô đã cũ, đã qua sử dụng.

- *Trả lại cho bị cáo Nông Văn T:* 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA mẫu đen, dạng bàn phím, bên trong có gắn 02 thẻ sim.

Số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) bị cáo Trương Thị M đặt để bảo đảm. Sẽ giải quyết bằng một quyết định riêng theo Thông tư liên tịch số:06/2018/TTLT-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 07/8/2018 "Quy định chi tiết trình tự, thủ tục, mức tiền đặt, việc tạm giữ, hoàn trả, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền đã đặt để bảo đảm".

Xác nhận số vật chứng và số tiền đặt bảo đảm trên đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Lĩnh theo biên bản giao nhận ngày 19/11/2018.

4. Về án phí: căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Văn T, Trương Thị M và Vi Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
-VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
-VKSND huyện;
- Công an huyện;
- THA DS huyện;
-UBND Thị trấn Hùng Quốc; Các UBND xã Lưu Ngọc, Cao Chương,TL;
- Các Bị cáo;
- Lưu HS; lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Khánh Dần